

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN LÂM  
Số:11/GPXD-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Văn Lâm, ngày 11 tháng 5 năm 2022

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**  
(Sử dụng cấp cho dự án)

**1. Cấp cho chủ đầu tư: Công ty cổ phần Hoàng Vương Hưng Yên**

Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Lâm

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 10/4/1984

Số chứng thực cá nhân: 034084002458 Ngày cấp: 08/11/2017 Nơi cấp: Cục Cảnh sát  
ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Quyết Tiến, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Xóm Quyết Tiến, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

**2. Được phép xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Khu nhà ở và dịch vụ đô thị công nghiệp Như Quỳnh do Công ty cổ phần Hoàng Vương Hưng Yên làm chủ đầu tư.**

- Theo hồ sơ thiết kế do Công ty cổ phần tư vấn thiết kế quản lý dự án và phát triển công nghệ DMT (địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Vimeco, lô E6, đường Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) lập.

- Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công số 0104/2022/BC-IBSTCOTEC-01 ngày 05/4/2022 của Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ xây dựng IBST (địa chỉ: 81 Trần Cung, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội).

- Gồm các nội dung sau:

**2.1. San nền**

San nền trong phạm vi diện tích đất đã được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất tại Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 24/3/2022; cao độ san nền thấp nhất +4,8m, cao nhất +5,8m; tổng diện tích san nền 232.387,47m<sup>2</sup> (đã trừ phần diện tích đất chưa được giao là 13.602,66m<sup>2</sup>, diện tích hồ cảnh quan 21.436,58m<sup>2</sup>).

**2.2. Hệ thống đường giao thông + vỉa hè**

Các tuyến đường thuộc dự án gồm: N1-N51, N2-N17, N3-N18, N4-N7, N4- N39, N8- N12, N8-N9, N10-N11, N12-N19, N5-N28, N6-N26, N20-N23, N20-N32, N27-N30, N33- N37, N38-N41, N39-N43, N42-N45, N46-N47, N44-N50, N48-N41, N21-N34, N22-N35, N50-N52. Dốc ngang mặt đường 2%, dốc ngang vỉa hè 1,5% về phía lòng đường; các tuyến đường có quy mô như sau:

TT	Tên tuyến đường	Mặt cắt (m)	Chiều dài tuyến (m)	Lộ giới (m)	Bề rộng vỉa hè (m)	Bề rộng dải phân cách (m)	Phản xe chạy (m)	Diện tích được giao đất đợt 1	
								Mặt đường (m <sup>2</sup> )	Vỉa hè + giải phân cách (m <sup>2</sup> )
1	Tuyến N1-N51	1-1	840,19	25,00	2x5,00	0,00	15,00	11.002,97	7.561,73

TT	Tên tuyến đường	Mặt cắt (m)	Chiều dài tuyến (m)	Lộ giới (m)	Bề rộng vỉa hè (m)	Bề rộng dải phân cách (m)	Phản xe chạy (m)	Diện tích được giao đất đợt 1	
								Mặt đường (m <sup>2</sup> )	Vỉa hè + giải phân cách (m <sup>2</sup> )
2	Tuyến N2-N17	4-4	194,03	15,50	2x4,00	0,00	7,50	1.455,23	1.552,24
3	Tuyến N3-N18	4-4	196,03	15,50	2x4,00	0,00	7,50	1.470,23	1.568,24
4	Tuyến N4-N7	4-4	168,78	15,50	2x4,00	0,00	7,50	1.114,45	1.224,51
5	Tuyến N4-N39	3-3	445,43	17,50	2x5,00	0,00	7,50	3.022,87	4.111,19
		3A-3A		16,50	4,0+5,0	0,00	7,50		
6	Tuyến N8-N12	3-3	88,4	17,50	2x5,00	0,00	7,50	663	884
7	Tuyến N8-N9	4-4	165,78	15,50	2x4,00	0,00	7,50	1.140,74	1.246,37
8	Tuyến N10-N11	4-4	167,04	15,50	2x4,00	0,00	7,50	1.187,6	1.270,66
9	Tuyến N12-N19	3-3	68,18	17,50	2x5,00	0,00	7,50	5.206,69	6.934,56
10	Tuyến N5-N28	4-4	299,10	15,50	2x4,00	0,00	7,50	2.083,93	2.101,58
11	Tuyến N6-N26	4-4	324,18	15,50	2x4,00	0,00	7,50	2.431,35	2.593,44
12	Tuyến N20-N23	4-4	180,76	15,50	2x4,00	0,00	7,50	1.355,7	1.446,08
13	Tuyến N20-N32	4-4	334,67	15,50	2x4,00	0,00	7,50	2.321,84	2.448,84
14	Tuyến N27-N30	6-6	210,90	28,00	2x5,00	3,00	7,50	2.596,81	2.435,54
15	Tuyến N33-N37	4-4	313,64	15,50	2x4,00	0,00	7,50	2.074,63	2.259,26
16	Tuyến N38-N41	2-2	569,63	21,25	2x5,00	0,00	11,25	6.317,19	5.416,27
17	Tuyến N39-N43	4-4	53,38	15,50	2x4,00	0,00	7,50	259,8	407,69
18	Tuyến N42-N45	4-4	293,97	15,50	2x4,00	0,00	7,50	1.986,58	2.137,62
19	Tuyến N46-N47	4-4	75,89	15,50	2x4,00	0,00	7,50	316,83	338,5
20	Tuyến N44-N50	4-4	173,17	15,50	2x4,00	0,00	7,50	1.180,94	1.190,66
21	Tuyến N48-N41	4-4	323,67	15,50	2x4,00	0,00	7,50	2.184,43	2.334,98

TT	Tên tuyến đường	Mặt cắt (m)	Chiều dài tuyến (m)	Lộ giới (m)	Bề rộng vỉa hè (m)	Bề rộng dài phân cách (m)	Phản xe chạy (m)	Diện tích được giao đất đợt 1	
								Mặt đường (m <sup>2</sup> )	Vỉa hè + giải phân cách (m <sup>2</sup> )
22	Tuyến N21-N34	4-4	121,27	15,50	2x4,00	0,00	7,50	836,04	915,46
23	Tuyến N22-N35	4-4	129,75	15,50	2x4,00	0,00	7,50	973,13	1.038
24	Tuyến N50-N52	5-5	435,24	9,60	4,0+1, 6	0,00	4,00	1.740,96	2.393,82

### 2.3. Hệ thống cấp nước

- Hướng tuyến công trình: Theo lý trình của các tuyến đường giao thông + vỉa hè tại mục 2.2.

- Mạng lưới cấp nước bố trí theo dạng mạch vòng kết hợp với mạng cút, các tuyến công chôn ngầm dọc vỉa hè các trục đường, đoạn qua đường có ống lồng thép bảo vệ hoặc giảm tải bằng đan bê tông cốt thép. Vật liệu đường ống sử dụng ống HDPE D200, D110, D50, với thông số kỹ thuật của ống là PN10 cùng với các thiết bị, phụ kiện đồng bộ.

- Hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy: Trụ cứu hỏa bố trí theo các tuyến ống cấp nước D>100mm; khoảng cách giữa các trụ từ 100 đến 150 (m), ưu tiên bố trí tại các ngã ba, ngã tư đường. Ngoài ra, nguồn nước cứu hỏa còn được bổ sung lấy từ các hồ điều hoà trong dự án.

### 2.4. Hệ thống thoát nước mưa

- Hướng tuyến công trình: Theo lý trình của các tuyến đường giao thông + vỉa hè tại mục 2.2.

- Hệ thống thoát nước sử dụng cống tròn bê tông cốt thép có đường kính D600 đến D2000 (mm). Cống chôn ngầm dưới vỉa hè chịu tải trọng thiết kế cống vỉa hè, cống chôn ngầm dưới lòng đường chịu tải trọng thiết kế HL93. Độ sâu chôn cống trên vỉa hè h≥0,3m, dưới lòng đường h≥0,5m, trong khu công viên, khu cây xanh h≥0,5m. Hố ga thu, ga thăm bằng bê tông cốt thép bố trí theo các tuyến công với khoảng cách theo yêu cầu kỹ thuật.

### 2.5. Hệ thống thoát nước thải

- Hướng tuyến công trình: Theo lý trình của các tuyến đường giao thông + vỉa hè tại mục 2.2.

- Nước thải của dự án được thu gom thông qua hệ thống cống BTCT D300mm dẫn về trạm xử lý nước thải của dự án. Độ sâu chôn cống tại vị trí điểm đầu là 0,3m đối với ống trên hè và 0,5m đối với ống dưới đường. Hố ga thu, ga thăm bằng bê tông cốt thép bố trí theo các tuyến công với khoảng cách theo yêu cầu kỹ thuật.

## **2.6. Hệ thống cấp điện**

- Hướng tuyến công trình: Theo lý trình của các tuyến đường giao thông + vỉa hè tại mục 2.2.

- Xây dựng mạng lưới cáp điện trung thế 22kV cùng với thiết bị, phụ kiện đồng bộ; xây dựng mạng lưới cáp ngầm hạ thế chôn ngầm cùng với thiết bị, phụ kiện đồng bộ để cấp điện các khu vực, các công trình và phục vụ chiếu sáng công cộng. Cáp hạ thế luồn trong ống HDPE chôn ngầm dưới vỉa hè tuyến đường.

## **2.7. Hệ thống chiếu sáng**

- Hướng tuyến công trình: Theo lý trình của các tuyến đường giao thông + vỉa hè tại mục 2.2.

- Chiếu sáng cho các tuyến đường giao thông, độ sáng theo yêu cầu. Cột đèn bố trí trên vỉa hè một bên đường đối với tuyến đường không có dải phân cách giữa; đối với tuyến đường có dải phân cách giữa, cột đèn trên dải phân cách. Khoảng cách các cột đèn từ 25m đến 30m; cột đèn sử dụng cột thép bát giác; bóng sử dụng bóng đèn Led.

## **2.8. Hệ thống thông tin liên lạc**

- Hướng tuyến công trình: Theo lý trình của các tuyến đường giao thông + vỉa hè tại mục 2.2.

- Xây dựng mạng lưới ống kỹ thuật, cống bể chò, hố ga chôn ngầm dưới vỉa hè dọc các trục đường để luồn cáp cùng với các hố ga. Tuyến ống chính sử dụng 02 ống HDPE D160/125mm, ống phân phối sử dụng ống HDPE D120/100mm.

## **2.9. Cây xanh**

Cây xanh dọc các tuyến đường trồng tại vỉa hè và dải phân cách: Vỉa hè trồng cây bồng mát, cây bụi và thảm cỏ; trên dải phân cách trồng cây xanh tán thấp, cây bụi và thảm cỏ. Chủng loại cây phù hợp với điều kiện khí hậu địa phương, có khả năng lọc không khí, không gây nguy hiểm và không cản trở tầm nhìn giao thông.

**3. Vị trí xây dựng:** Trên khu đất được UBND tỉnh Hưng Yên giao đất, cho thuê đất (lần 1) để thực hiện dự án đầu tư Khu nhà ở và dịch vụ đô thị, công nghiệp Như Quỳnh theo Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 24/3/2022; vị trí ranh giới khu đất được xác định theo tờ Trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 thị trấn Như Quỳnh và xã Đinh Dù, huyện Văn Lâm do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên xác lập ngày 14/3/2022.

**4. Chỉ giới xây dựng:** Thực hiện theo bản vẽ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và bản vẽ quy hoạch điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở và dịch vụ đô thị, công nghiệp Như Quỳnh được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 17/10/2011 và Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 02/7/2021.

**5. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:** Theo Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao đất, cho thuê đất (lần 1) cho Công ty

cổ phần Hoàng Vương Hưng Yên tại thị trấn Như Quỳnh và xã Đinh Dù, huyện Văn Lâm để thực hiện dự án đầu tư Khu nhà ở và dịch vụ đô thị, công nghiệp Như Quỳnh.

6. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

*Nơi nhận:*

- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng (để kiểm tra);
- UBND: TT Như Quỳnh, xã Đinh Dù (để kiểm tra, quản lý TT XD);
- Lưu: VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



*Đỗ Hoàng Tùng*

**CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây trước ít nhất 3 ngày làm việc và gửi thông báo khởi công tới UBND huyện, UBND xã, thị trấn nơi xây dựng công trình để giám sát hoạt động xây dựng trên địa bàn.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.
6. Trong quá trình thi công Chủ đầu tư phải đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, chất lượng công trình đối với các công trình, hạng mục công trình lân cận.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN LÂM  
Số: 48 /GPXD-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Văn Lâm, ngày 29 tháng 9 năm 2023

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**  
(Sử dụng cấp cho dự án)

**1. Cấp cho chủ đầu tư: Công ty cổ phần Hoàng Vương Hưng Yên**

Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Lâm

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 10/4/1984

Số chứng thực cá nhân: 034084002458 Ngày cấp: 08/11/2017 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Quyết Tiến, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Xóm Quyết Tiến, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

**2. Được phép xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Khu nhà ở và dịch vụ đô thị công nghiệp Như Quỳnh do Công ty cổ phần Hoàng Vương Hưng Yên làm chủ đầu tư.**

- Theo hồ sơ thiết kế do Công ty cổ phần tư vấn thiết kế quản lý dự án và phát triển công nghệ DMT (địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Vimeco, lô E6, đường Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) lập.

- Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công ngày 04/7/2023 của Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ xây dựng IBST (địa chỉ: 81 Trần Cung, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội).

- Gồm các nội dung sau:

**2.1. San nền**

San nền trong các phạm vi các lô đất theo phương pháp đường đồng mức; cao độ san nền thấp nhất +4,8m, cao nhất +5,8m; tổng diện tích san nền được giao lần 2 là 14.350,19m<sup>2</sup>

**2.2. Hệ thống đường giao thông + vỉa hè**

Các tuyến đường thuộc dự án gồm: N1-N51, N2-N17, N3-N18, N4-N7, N4-N39, N8-N12, N8-N9, N10-N11, N12-N19, N5-N28, N6-N26, N20-N23, N20-N32, N27-N30, N33-N37, N38-N41, N39-N43, N42-N45, N46-N47, N44-N50, N48-N41, N21-N34, N22-N35, N50-N52. Dốc ngang mặt đường 2%, dốc ngang vỉa hè 1,5% về phía lòng đường; các tuyến đường có quy mô như sau:

TT	Tên tuyến đường	Mặt cắt (m)	Chiều dài tuyến (m)	Lộ giới (m)	Bề rộng vỉa hè (m)	Bề rộng dài phân cách (m)	Phản xe chạy (m)	Diện tích được giao đất đợt 2	
								Mặt đường (m <sup>2</sup> )	Vỉa hè + giải phân cách (m <sup>2</sup> )
1	Tuyến N1-N51	1-1	840,19	25,00	2x5,00	0,00	15,00	2.151,57	840,17

TT	Tên tuyến đường	Mặt cắt (m)	Chiều dài tuyến (m)	Lộ giới (m)	Bề rộng vỉa hè (m)	Bề rộng dải phân cách (m)	Phản xe chạy (m)	Diện tích được giao đất đợt 2	
								Mặt đường (m <sup>2</sup> )	Vỉa hè + giải phân cách (m <sup>2</sup> )
2	Tuyến N2-N17	4-4	194,03	15,50	2x4,00	0,00	7,50	0	0
3	Tuyến N3-N18	4-4	196,03	15,50	2x4,00	0,00	7,50	0	0
4	Tuyến N4-N7	4-4	168,78	15,50	2x4,00	0,00	7,50	151,4	125,73
5	Tuyến N4-N39	3-3	445,43	17,50	2x5,00	0,00	7,50	317,86	343,11
		3A-3A		16,50	4,0+5,0	0,00	7,50	0	0
6	Tuyến N8-N12	3-3	88,4	17,50	2x5,00	0,00	7,50	0	0
7	Tuyến N8-N9	4-4	165,78	15,50	2x4,00	0,00	7,50	102,61	79,87
8	Tuyến N10-N11	4-4	167,04	15,50	2x4,00	0,00	7,50	65,2	65,66
9	Tuyến N12-N19	3-3	68,18	17,50	2x5,00	0,00	7,50	40,61	61,84
10	Tuyến N5-N28	4-4	299,10	15,50	2x4,00	0,00	7,50	159,32	291,22
11	Tuyến N6-N26	4-4	324,18	15,50	2x4,00	0,00	7,50	0	0
12	Tuyến N20-N23	4-4	180,76	15,50	2x4,00	0,00	7,50	0	0
13	Tuyến N20-N32	4-4	334,67	15,50	2x4,00	0,00	7,50	188,19	228,52
14	Tuyến N27-N30	6-6	210,90	28,00	2x5,00	3,00	7,50	566,69	306,16
15	Tuyến N33-N37	4-4	313,64	15,50	2x4,00	0,00	7,50	277,67	249,86
16	Tuyến N38-N41	2-2	569,63	21,25	2x5,00	0,00	11,25	91,15	280,03
17	Tuyến N39-N43	4-4	53,38	15,50	2x4,00	0,00	7,50	140,55	19,35
18	Tuyến N42-N45	4-4	293,97	15,50	2x4,00	0,00	7,50	218,2	214,14
19	Tuyến N46-N47	4-4	75,89	15,50	2x4,00	0,00	7,50	252,35	268,62
20	Tuyến N44-N50	4-4	173,17	15,50	2x4,00	0,00	7,50	117,91	194,78
21	Tuyến N48-N41	4-4	323,67	15,50	2x4,00	0,00	7,50	243,1	254,38
22	Tuyến N21-N34	4-4	121,27	15,50	2x4,00	0,00	7,50	73,49	54,7

TT	Tên tuyến đường	Mặt cát (m)	Chiều dài tuyến (m)	Lộ giới (m)	Bề rộng vỉa hè (m)	Bề rộng dài phân cách (m)	Phản xe chạy (m)	Diện tích được giao đất đợt 2	
								Mặt đường (m <sup>2</sup> )	Vỉa hè + giải phân cách (m <sup>2</sup> )
23	Tuyến N22-N35	4-4	129,75	15,50	2x4,00	0,00	7,50	0	0
24	Tuyến N50-N52	5-5	435,24	9,60	4,0+1, 6	0,00	4,00	0	0

### 2.3. Hệ thống cấp nước

- Hướng tuyến công trình: Theo lý trình của các tuyến đường giao thông + vỉa hè tại mục 2.2.

- Mạng lưới cấp nước bố trí theo dạng mạch vòng kết hợp với mạng cút, các tuyến cống chôn ngầm dọc vỉa hè các trục đường, đoạn qua đường có ống lồng thép bảo vệ hoặc giảm tải bằng đan bê tông cốt thép. Vật liệu đường ống sử dụng ống HDPE D200, D110, D50, với thông số kỹ thuật của ống là PN10 cùng với các thiết bị, phụ kiện đồng bộ.

- Hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy: Trụ cứu hỏa bố trí theo các tuyến ống cấp nước D>100mm; khoảng cách giữa các trụ từ 100 đến 150 (m), ưu tiên bố trí tại các ngã ba, ngã tư đường. Ngoài ra, nguồn nước cứu hỏa còn được bổ sung lấy từ các hồ điều hoà trong dự án.

### 2.4. Hệ thống thoát nước mưa

- Hướng tuyến công trình: Theo lý trình của các tuyến đường giao thông + vỉa hè tại mục 2.2.

- Hệ thống thoát nước sử dụng cống tròn bê tông cốt thép có đường kính D600 đến D2000 (mm). Cống chôn ngầm dưới vỉa hè chịu tải trọng thiết kế cống vỉa hè, cống chôn ngầm dưới lòng đường chịu tải trọng thiết kế HL93. Độ sâu chôn cống trên vỉa hè h≥0,3m, dưới lòng đường h≥0,5m, trong khu công viên, khu cây xanh h≥0,5m. Hố ga thu, ga thăm bằng bê tông cốt thép bố trí theo các tuyến cống với khoảng cách theo yêu cầu kỹ thuật.

### 2.5. Hệ thống thoát nước thải

- Hướng tuyến công trình: Theo lý trình của các tuyến đường giao thông + vỉa hè tại mục 2.2.

- Nước thải của dự án được thu gom thông qua hệ thống cống BTCT D300mm dẫn về trạm xử lý nước thải của dự án. Độ sâu chôn cống tại vị trí điểm đầu là 0,3m đối với ống trên hè và 0,5m đối với ống dưới đường. Hố ga thu, ga thăm bằng bê tông cốt thép bố trí theo các tuyến cống với khoảng cách theo yêu cầu kỹ thuật.

### 2.6. Hệ thống cấp điện

- Hướng tuyến công trình: Theo lý trình của các tuyến đường giao thông + vỉa hè tại mục 2.2.

- Xây dựng mạng lưới cấp điện trung thế 22kV cùng với thiết bị, phụ kiện đồng bộ; xây dựng mạng lưới cáp ngầm hạ thế chôn ngầm cùng với thiết bị, phụ kiện đồng bộ để cấp điện các khu vực, các công trình và phục vụ chiếu sáng công cộng. Cáp hạ thế luồn trong ống HDPE chôn ngầm dưới vỉa hè tuyến đường.

### **2.7. Hệ thống chiếu sáng**

- Hướng tuyến công trình: Theo lý trình của các tuyến đường giao thông + vỉa hè tại mục 2.2.

- Chiếu sáng cho các tuyến đường giao thông, độ sáng theo yêu cầu. Cột đèn bố trí trên vỉa hè một bên đường đối với tuyến đường không có dải phân cách giữa; đối với tuyến đường có dải phân cách giữa, cột đèn trên dải phân cách. Khoảng cách các cột đèn từ 25m đến 30m; cột đèn sử dụng cột thép bát giác; bóng sử dụng bóng đèn Led.

### **2.8. Hệ thống thông tin liên lạc**

- Hướng tuyến công trình: Theo lý trình của các tuyến đường giao thông + vỉa hè tại mục 2.2.

- Xây dựng mạng lưới ống kỹ thuật, cống bể chòi, hố ga chôn ngầm dưới vỉa hè dọc các trục đường để luồn cáp cùng với các hố ga. Tuyến ống chính sử dụng 02 ống HDPE D160/125mm, ống phân phối sử dụng ống HDPE D120/100mm.

### **2.9. Cây xanh**

Cây xanh dọc các tuyến đường trồng tại vỉa hè và dải phân cách: Vỉa hè trồng cây bồng mát, cây bụi và thảm cỏ; trên dải phân cách trồng cây xanh tán thấp, cây bụi và thảm cỏ. Chủng loại cây phù hợp với điều kiện khí hậu địa phương, có khả năng lọc không khí, không gây nguy hiểm và không cản trở tầm nhìn giao thông.

**3. Vị trí xây dựng:** Trên khu đất được UBND tỉnh Hưng Yên giao đất (lần 2) để thực hiện dự án đầu tư Khu nhà ở và dịch vụ đô thị, công nghiệp Nhu Quỳnh theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 28/9/2022; vị trí ranh giới khu đất được xác định theo tờ Trích lục bản đồ địa chính số 05, 06 và 07 tỷ lệ 1/2000 thị trấn Nhu Quỳnh và xã Đinh Dù, huyện Văn Lâm do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên xác lập ngày 09/9/2022.

**4. Chỉ giới xây dựng:** Thực hiện theo bản vẽ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và bản vẽ quy hoạch điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở và dịch vụ đô thị, công nghiệp Nhu Quỳnh được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 17/10/2011 và Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 02/7/2021.

**5. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:** Theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao đất (lần 2) cho Công ty cổ phần Hoàng Vương Hưng Yên tại thị trấn Nhu Quỳnh huyện Văn Lâm để thực hiện dự án đầu tư Khu nhà ở và dịch vụ đô thị, công nghiệp Nhu Quỳnh.

6. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

*Nơi nhận:*

- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng (để kiểm tra);
- UBND: TT Nhu Quỳnh, xã Đinh Dù (để kiểm tra, quản lý TT XD);
- Lưu: VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Đỗ Hoàng Tùng*

**CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây trước ít nhất 3 ngày làm việc và gửi thông báo khởi công tới UBND huyện, UBND xã, thị trấn nơi xây dựng công trình để giám sát hoạt động xây dựng trên địa bàn.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.
6. Trong quá trình thi công Chủ đầu tư phải đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường đối với các công trình, hạng mục công trình lân cận.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN LÂM  
Số: 68 /GPXD-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Văn Lâm, ngày 14 tháng 8 năm 2024

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG (lần 3)**  
(*Sử dụng cấp cho dự án*)

1. Cấp cho chủ đầu tư: Công ty cổ phần Hoàng Vương Hưng Yên

Người đại diện: Ông Nguyễn Hữu Tân Chức vụ: Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 13/5/1982

Số chứng thực cá nhân: 038082000147 Ngày cấp: 20/7/2021 Nơi cấp:  
Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn 2934 HH4C Linh Đàm, phường  
Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Căn 2934 HH4C Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận  
Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

2. Được phép xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Khu nhà ở  
và dịch vụ đô thị công nghiệp Như Quỳnh do Công ty cổ phần Hoàng Vương  
Hưng Yên làm chủ đầu tư.

- Theo hồ sơ thiết kế do Công ty cổ phần tư vấn thiết kế quản lý dự án và  
phát triển công nghệ DMT (địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Vimeco, lô E6, đường Phạm  
Hùng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) lập.

- Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của Công ty cổ  
phần đầu tư và công nghệ xây dựng IBST (địa chỉ: 81 Trần Cung, Nghĩa Tân,  
Cầu Giấy, Hà Nội).

- Gồm các nội dung sau:

**San nền:** San nền trong các phạm vi các lô đất theo phương pháp đường  
đồng mức; cao độ san nền thấp nhất +4,8m, cao nhất +5,8m; tổng diện tích san  
nền được giao lần 3 là 16.828,72m<sup>2</sup>, cụ thể:

BẢNG THỐNG KÊ GIAO ĐẤT GIAI ĐOẠN 3

STT	Số tờ BD	Thứ tự số	Diện tích	SN (m <sup>2</sup> )	VH (m <sup>2</sup> )	LĐ (m <sup>2</sup> )	Ghi chú thuộc lô san nền
1	6	2001	2.581,55	2.581,55			SN25
2	6	2003	3.383,47	3.383,47			SN24
3	6	2004	515,7	515,7			SN23
4	8	512	7.860,0	7.860,0			SN27 (Hồ cảnh quan)
5	7	620	2.488,0	2.488,0			SN21
<b>Tổng</b>			<b>16.828,72</b>	<b>16.828,72</b>			

3. Vị trí xây dựng: Trên khu đất được UBND tỉnh Hưng Yên giao đất đất  
(lần 3) để thực hiện dự án đầu tư Khu nhà ở và dịch vụ đô thị, công nghiệp Như

Quỳnh theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 05/7/2024; vị trí ranh giới khu đất được xác định theo tờ Trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên xác lập ngày 13/6/2024.

**4. Chi giới xây dựng:** Thực hiện theo bản vẽ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và bản vẽ quy hoạch điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở và dịch vụ đô thị, công nghiệp Như Quỳnh được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 17/10/2011 và Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 02/7/2021.

**5. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:** Theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao đất (lần 3) tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm cho Công ty cổ phần Hoàng Vương Hưng Yên để thực hiện dự án đầu tư Khu nhà ở và dịch vụ đô thị, công nghiệp Như Quỳnh.

**6. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.**

*Nơi nhận: TK*

- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng (để kiểm tra);
- UBND: TT Như Quỳnh, xã Đinh Dù (để kiểm tra, quản lý TT XD);
- Lưu: VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



*Đỗ Hoàng Tùng*